

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 99, 100, 103 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 20 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 143/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Đ.

Địa chỉ: B, ngách D, ngõ G, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lương Huyền C – chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền đứng đơn khởi kiện: Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H – chức vụ: Giám đốc trung tâm xử lý nợ - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H.

Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H ủy quyền cho: Bà Lê Thị Thanh H1 – Chức vụ: Trưởng phòng quan hệ Khách hàng Cá nhân Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H – chi nhánh L1.

Địa chỉ: số A T, phường D, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 23/5/2024.

Bị đơn: vợ chồng ông Trần Quang H2, sinh năm 1988. Bà Ngô Thị H3, sinh năm 1996.

Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: vợ chồng ông Ngô Văn L, sinh năm 1972. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1972.

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Vợ chồng ông Trần Quang H2, bà Ngô Thị H3 đồng ý trả cho Công ty TNHH Đ1 số tiền nợ gốc là 4.500.421.553đ (bốn tỷ năm trăm triệu bốn trăm hai mươi một ngàn năm trăm năm mươi ba đồng) và tiền lãi trong hạn là 228.485.049đ (hai trăm hai mươi tám triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn không trăm bốn mươi chín đồng), lãi quá hạn là 741.287.291đ (bảy trăm bốn mươi một triệu hai trăm tám mươi bảy ngàn hai trăm chín mươi một đồng) tính đến ngày 19/8/2024 và tiếp tục chịu lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ trả nợ cho Công ty TNHH Đ1.

- Vợ chồng ông Trần Quang H2, bà Ngô Thị H3 đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 26184/22MN/HĐBĐ ngày 21/7/2022; đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 19473/21MN/HĐBĐ ngày 17/6/2021 cho đến khi thi hành án xong.

- Ông Ngô Văn L đồng ý tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của người khác số 26495/20MN/HĐBĐ ngày 13/11/2020 cho đến khi ông Trần Quang H2, bà Ngô Thị H3 thi hành án xong.

- Về án phí: Vợ chồng ông Trần Quang H2, bà Ngô Thị H3 tự nguyện nhận chịu 56.735.096đ (năm mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn không trăm chín mươi sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH Đ1 (năm mươi sáu triệu sáu trăm mười lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004786 ngày 14/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

- Về chi phí tố tụng: Vợ chồng ông Trần Quang H2, bà Ngô Thị H3 tự nguyện nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm ngàn đồng), số tiền này Công ty TNHH Đ1 đã nộp đủ và đã được quyết toán. Do vậy, vợ chồng ông Trần Quang H2, bà Ngô Thị H3 đồng ý trả cho Công ty TNHH Đ1 toàn bộ chi phí phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hạnh